

KINH SỐ 6

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn sự trọn không thể nghĩ bàn. Sao gọi là bốn?

1. Chúng sinh không thể nghĩ bàn.

2. Thế giới không thể nghĩ bàn.

3. Quốc độ của loài rồng không thể nghĩ bàn.

4. Cảnh giới Phật không thể nghĩ bàn.¹ Vì sao? Vì không do nơi này đưa đến tận diệt Niết-bàn.

Vì sao chúng sinh không thể nghĩ bàn? Các chúng sinh này từ đâu đến? Đi về đâu? Lại từ đâu sinh khởi? Chết ở đây đây sẽ sinh về đâu? Chúng sinh không thể nghĩ bàn là như vậy.

Vì sao thế giới không thể nghĩ bàn? Những người có tà kiến hoặc cho rằng thế giới đoạn diệt, thế giới chẳng đoạn diệt; thế giới hữu biên, thế giới vô biên; mạng tức là thân, mạng chẳng phải là thân; thế giới này do Phạm thiên tạo ra, hay các đại quỷ thần tạo ra?

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Phạm thiên tạo nhân dân

Quỷ thần tạo thế gian

Hay thế gian tạo ra quỷ

Lời này ai sẽ định?

Bị dục sân trói buộc

Cả ba đều đồng đẳng

Tâm không được tự tại

Thế tục có tai biến.

Này Tỳ-kheo, thế gian không thể nghĩ bàn là như vậy.

Vì sao cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn? Mưa này là từ miệng rồng phun ra hay sao? Vì sao? Vì những hạt nước mưa chẳng phải từ miệng rồng phun ra vậy. Vậy thì từ mắt, tai, mũi của rồng mà ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì hạt nước mưa không phải là từ mắt, tai, mũi của rồng phun ra mà chỉ là những gì được niệm tưởng trong ý rồng. Nếu niệm ác, cũng mưa; hay niệm thiện, cũng mưa. Do bản hành mà tạo mưa này. Sở dĩ như vậy, nay trong bụng núi Tu-di lại có trời tên là Đại Lực, biết được những ý nghĩ của tâm chúng sinh, cũng có thể tạo mưa. Nhưng mưa không ra từ miệng trời kia, hay ra từ mắt, tai, mũi mà đều do trời kia có thần lực nên có thể làm mưa. Cũng vậy, Tỳ-kheo, cảnh giới rồng không thể nghĩ bàn.

Vì sao cảnh giới Phật quốc không thể nghĩ bàn? Thân Như Lai là do cha mẹ tạo ra

¹. Cf. A IV 77 Acinteyyasutta (R. ii. 80), bốn điều không thể nghĩ bàn (acinteyyāni):

1. Cảnh giới Phật của chư Phật (Buddhānaṃ buddhavisayo).

2. Cảnh giới thiện của những người tu thiện (Jhāyissa jhānavisayo).

3. Dị thực của nghiệp (Kammavipāko).

4. Tư duy về thế giới (Lokacintā).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì thân Như Lai hấp thụ các khí trời, thanh tịnh không cấu uế. Là do người tạo ra chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì vượt qua hành động con người. Thân Như Lai là thân trời² chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì thân Như Lai không thể tạo tác, chẳng phải chỗ chư Thiên với tới. Thọ mạng Như Lai là ngắn chẳng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Như Lai có bốn Thần túc. Như Lai là trường thọ chăng? Điều này cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Như Lai xoay vần cùng khắp thế gian, cùng tương ứng với các phương tiện thiện xảo, nên thân của Như Lai không thể suy lường, không thể nói cao nói thấp, âm thanh cũng không thể định chuẩn Phạm âm Như Lai. Trí tuệ biện tài của Như Lai không thể nghĩ bàn, chẳng phải là chỗ nhân dân sánh bằng. Cảnh giới của Phật không thể nghĩ bàn như vậy.

Như vậy, Tỳ-kheo, có bốn trường hợp này không thể nghĩ bàn, chẳng phải là chỗ người thường nghĩ bàn. Nhưng bốn sự này không có gốc rễ thiện, cũng chẳng do đây mà được tu phạm hạnh, không đưa đến được chốn nghỉ ngơi³, cho đến không đạt đến chỗ Niết-bàn. Chỉ khiến người tâm cuồng mê, ý thác loạn, khởi các nghi kết. Vì sao?

Các Tỳ-kheo nên biết, thuở quá khứ lâu xa, trong thành Xá-vệ này có một người bình thường suy nghĩ như vậy: “Nay ta phải tư duy về thế giới.” Rồi người kia ra khỏi thành Xá-vệ, ở cạnh một hồ sen, ngồi kiết già tư duy về thế giới: “Thế giới này thành thế nào? Hoại thế nào? Ai tạo thế giới này? Chúng sinh này từ đâu đến? Từ đâu xuất hiện? Sinh lúc nào?” Khi người kia đang trầm tư, ngay lúc đó thấy trong ao nước có bốn binh chủng ra vào, nó tự nghĩ: “Nay ta tâm cuồng mê, ý thác loạn, thế gian là không mà nay ta thấy nó.” Người kia bèn trở vào thành Xá-vệ, ở trong một ngõ tắt nói rằng: “Các Hiền giả nên biết, thế giới là không mà nay tôi thấy nó.”

Bấy giờ số đông người hỏi người kia: “Thế giới là không, nay ông thấy nó, là thế nào?” Người kia trả lời mọi người: “Vừa qua, để tư duy rằng thế giới sinh từ đâu, tôi ra khỏi thành Xá-vệ, ở bên ao sen, trầm tư rằng thế giới từ đâu đến? Ai tạo ra thế giới này? Các loài chúng sinh này từ đâu đến? Do ai đã sinh ra? Khi mệnh chung, sẽ sinh về chỗ nào? Lúc tôi đang suy nghĩ, ngay lúc đó tôi thấy trong ao nước có bốn binh chủng ra vào. Thế giới là không mà nay ta thấy nó.”

Khi ấy, mọi người bảo người kia: “Như ông thì thật cuồng ngu. Trong ao nước nào có được bốn binh chủng. Những người cuồng mê trong thế gian, ông là tối thượng.”

Cho nên, này các Tỳ-kheo, Ta đã từng quán sát nghĩa này rồi cho nên bảo các ông vậy. Vì sao? Vì đây chẳng là công đức của gốc thiện, không khiến tu phạm hạnh được, cũng lại dẫn đến được Niết-bàn xứ. Nhưng suy gẫm điều này, thời khiến con người tâm cuồng, ý thác loạn. Song, các Tỳ-kheo nên biết, người kia thật đã thấy bốn binh chủng. Vì sao? Vì xưa kia chư Thiên và A-tu-la đánh nhau. Lúc đang đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la thua trận. Khi ấy A-tu-la cảm thấy lo sợ, nên hóa thân cực nhỏ chui vào lỗ ngó sen, mắt Phật mới thấy được, ngoài ra chẳng có ai khác thấy đến.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tư duy về bốn Đế. Vì sao? Vì bốn Đế này có nghĩa, có lý, khiến tu phạm hạnh được, hành pháp Sa-môn, đến được Niết-bàn. Vì vậy, các Tỳ-

2. Đế bản: Đại thân 大身.

3. Hữu túc xứ 休息處, đoạn sau, Hán dịch là phục túc 休息 (xem kinh số 9 phẩm 31); cũng dịch là tô túc xứ 土息, sự phục hồi hơi thở bình thường; chỉ trạng thái an ổn của A-la-hán. Pāli: Assāniya-dhamma.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

kheo, hãy xả ly các pháp của thế gian này, nên tìm cầu phương tiện tư duy bốn Đế.
Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.
Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 7

Nghe như vậy,

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn thứ thần túc⁴. Sao gọi là bốn? Đó là:

1. Tự tại Tam-muội hành tận thần túc.
2. Tâm Tam-muội hành tận thần túc.
3. Tinh tấn Tam-muội hành tận thần túc.
4. Giới Tam-muội hạnh tận thần túc.

Sao gọi là Tự tại Tam-muội hành tận thần túc⁵? Nghĩa là những ai có Tam-muội mà tự tại đối với những gì ý muốn, tâm ưa thích, khiến thân thể nhẹ nhàng, có thể ẩn thân cực nhỏ. Đó gọi là Thần túc thứ nhất.

Sao gọi là Tâm Tam-muội hành tận thần túc⁶? Nghĩa là tâm biết pháp phổ biến khắp mười phương, vách đá đều vượt qua không gì trở ngại. Đó gọi là Tâm Tam-muội hành tận thần túc.

Sao gọi là Tinh tấn Tam-muội hành tận thần túc⁷? Nghĩa là Tam-muội này không có lười mỏi, cũng không sợ hãi, có ý dũng mãnh. Đó gọi là Tinh tấn Tam-muội hành tận thần túc.

Sao gọi là Giới Tam-muội hành tận thần túc⁸? Những ai có Tam-muội này biết những ý nghĩ trong tâm chúng sinh, lúc sinh lúc diệt, thấy đều biết cả; có tâm dục hay không có tâm dục, có tâm sân nhuế hay không có tâm sân nhuế, có tâm ngu si hay không có tâm ngu si, có tâm ganh ghét hay không có tâm ganh ghét, có tâm loạn hay không tâm loạn, có tâm hẹp hòi hay không có tâm hẹp hòi, có tâm rộng lớn hay không có tâm rộng lớn, có tâm hạn lượng hay không tâm hạn lượng, có tâm định hay không tâm định, có tâm giải thoát hay không tâm giải thoát, tất cả đều biết rõ. Đó gọi là Giới Tam-muội hạnh tận thần túc.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, có bốn loại thần túc, nếu muốn biết những ý nghĩ trong tâm của tất cả chúng sinh, hãy tu hành bốn Thần túc này.

Các Tỳ-kheo hãy học những điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

4. Bốn thần túc 四神足. Cf. *Trường 8* (T1n1, tr. 50c17): Tư duy dục định diệt hành thành tựu 思惟欲定滅行成就; tinh tấn định 精進定; ý định 意定; tư duy định 思惟定. *Pháp uẩn 4* (T26n1537, tr. 471c13).

5. Tự tại Tam-muội hành tận thần túc 自在三昧行盡神足. *Pháp Uẩn*, ibid.: Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 欲三摩地勝行成就神足. Pāli, D 33 Saṅgīti (R. iii. 221): Chandasamādhīpadhāna.

6. Tâm Tam-muội hành tận thần túc 心三昧行盡神足. *Pháp Uẩn*, ibid.: Tâm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 心三摩地勝行成就神足. Pāli, ibid., Cittasamādhīpadhānasāṅkhārasamannā-gataṃ iddhipādaṃ bhāveti.

7. Tinh tấn Tam-muội hành tận thần túc 精進三昧行盡神足. *Pháp Uẩn*, ibid.: Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 勤三摩地勝行成就神足. Pāli, ibid., 3. Vīriyasamādhīpadhānasāṅkhārasamannā-gataṃ iddhipādaṃ bhāveti.

8. Giới Tam-muội hành tận thần túc 誠三昧行盡神足. *Pháp Uẩn*, ibid.: Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc 觀三摩地勝行成就神足. Pāli, ibid., Vīmaṃsāsamādhīpadhāna-sāṅkhārasamannā-gataṃ iddhipādaṃ bhāveti.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

M

KINH SỐ 8

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn pháp sinh khởi ái⁹. Khi Tỳ-kheo sinh khởi ái, nó liền khởi. Sao gọi là bốn?

1. Tỳ-kheo do duyên y phục nên có ái sinh khởi.

2. Do khát thực nên có ái sinh khởi.

3. Do chỗ nằm ngồi nên có ái sinh khởi.

4. Do thuốc men nên có ái sinh khởi.

Này Tỳ-kheo, đó gọi là có bốn pháp này sinh khởi ái, có chỗ nhiễm đắm.

Nếu trong đây có Tỳ-kheo nào đắm trước y phục, Ta không nói người này. Vì sao? Vì khi chưa được y, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

Ở đó có Tỳ-kheo nào đắm trước thức ăn, Ta cũng không nói người này. Vì sao? Vì khi chưa khát thực được, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

Ở đó có Tỳ-kheo nào đắm trước chỗ nằm ngồi, Ta cũng không nói người này. Vì sao? Vì khi chưa được giường chiếu, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

Ở đó có Tỳ-kheo nào đắm trước thuốc men, Ta cũng không nói người này. Vì sao? Vì khi chưa được thuốc men, người ấy liền khởi sân nhuế, khởi tưởng niệm đắm trước.

Tỳ-kheo nên biết, nay Ta sẽ nói hai việc về y phục: Đáng thân cận và không nên thân cận.

Sao gọi là đáng thân cận? Sao gọi là không nên thân cận? Nếu khi được y phục, vì quá ái trước y phục nên khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu khi được y phục mà khởi thiện pháp, tâm không ái trước; đây nên thân cận. Nếu khi khát thực mà khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu lúc khát thực khởi pháp thiện; đây nên thân cận. Nếu được giường nằm, chỗ ngồi, mà khởi pháp bất thiện; đây không nên thân cận. Nếu được giường nằm, chỗ ngồi, mà khởi pháp thiện; đây cũng nên thân cận. Đối với thuốc men cũng như vậy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên thân cận pháp thiện, trừ bỏ pháp ác.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy, để cho muốn khiến đàn-việt thí chủ kia được công đức, hưởng phước vô cùng, được cam lồ tịch diệt.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

Y phục để bố thí

Thức ăn, chỗ nằm ngồi

Trong đó chớ khởi ái

Chẳng sinh các thế giới.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 9

⁹. Bốn pháp ái khởi 四起愛之法. Cf. Pāli, A IV Taṇhuppādasutta (R. ii. 10).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Nay có bốn con sông lớn nước từ suối A-nậu-đạt chảy ra¹⁰. Những gì là bốn? Đó là: Hằng-già¹¹, Tân-đầu¹², Bà-xoa¹³ và Tư-đà¹⁴.

Nước Hằng-già kia phát nguyên từ cửa khẩu Ngưu đầu¹⁵, chảy về hướng Đông.

Sông Tân-đầu phát nguyên từ cửa khẩu Sư tử¹⁶, chảy về hướng Nam.

Sông Tư-đà phát nguyên từ cửa Tượng khẩu¹⁷, chảy về hướng Tây.

Sông Bà-xoa phát nguyên từ cửa Mã khẩu¹⁸, chảy về hướng Bắc.

Bấy giờ nước của bốn con sông lớn sau khi chảy quanh suối A-nậu-đạt, rồi sông Hằng-già chảy vào biển Đông, sông Tân-đầu chảy vào biển Nam, sông Bà-xoa chảy vào biển Tây, sông Tư-đà chảy vào biển Bắc. Sau khi bốn con sông lớn này chảy vào biển rồi, không còn tên gọi trước nữa mà chỉ gọi chung là biển.

Ở đây cũng vậy, có bốn chủng tánh. Bốn chủng tánh ấy là gì? Đó là Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả và Cư sĩ. Ở chỗ Như Lai, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì không còn dòng họ cũ nữa mà chỉ gọi là Sa-môn đệ tử Thích-ca. Vì sao? Vì chúng Như Lai cũng như biển lớn, bốn Đế cũng như bốn sông lớn, diệt trừ kết sử khiến vào thành Niết-bàn vô úy. Cho nên, này các Tỳ-kheo, những ai trong bốn chủng tộc, cạo bỏ râu tóc, với lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, họ sẽ diệt tên họ trước kia, tự gọi là đệ tử Thích-ca. Vì sao? Vì nay Ta chính là con của họ Thích-ca, từ dòng họ Thích xuất gia, học đạo.

Các Tỳ-kheo nên biết, muốn nói về ý nghĩa của con đẻ, phải gọi là Sa-môn con nhà họ Thích. Vì sao? Vì sinh đều từ Ta sinh ra, từ pháp mà khởi, từ pháp mà thành. Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện để được làm con nhà họ Thích.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 10

Nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại tâm. Sao gọi là bốn? Đó là Từ, Bi, Hỷ, Xả¹⁹. Vì sao được gọi là Phạm

¹⁰. Xem *Trường 18*, kinh Thế Kỳ, phẩm Diêm-phù-đế.

¹¹. Hằng-già 恒伽. Skt. Gaṅgā.

¹². Tân-đầu 新頭. Skt. Shintu (Pāli: Shindu).

¹³. Bà-xoa 婆叉. Skt. Vakṣu.

¹⁴. Tư-đà 私陀. Skt. Sitā.

¹⁵. Ngưu đầu khẩu 牛頭口. Pāli: Usabhamukha.

¹⁶. Sư tử khẩu 師子口. Pāli: Sīhamukha.

¹⁷. Tượng khẩu 象口. Pāli: Hatthimukha.

¹⁸. Mã khẩu 馬口. Pāli: Asamukha.

¹⁹. Để bản: Hộ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đường²⁰?

Các Tỳ-kheo nên biết, có Phạm, Đại phạm tên là Thiên²¹, không ai ngang bằng, không có ai trên hơn, thống lãnh ngàn quốc giới, cung điện nơi đây gọi là Phạm đường.

Tỳ-kheo, thế lực mà bốn Phạm đường này có được, là có thể quan sát hàng ngàn quốc giới này, cho nên được gọi là Phạm đường. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có Tỳ-kheo nào muốn vượt qua các trời Dục giới mà lên địa vị vô dục, bốn bộ chúng kia nên tìm cầu phương tiện thành tựu bốn Phạm đường này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



²⁰. Phạm đường 梵堂. Thường nói là Phạm trú. Pāli: Brahmavihāra.

²¹. Thiên 千. Pāli: Sahampati (Skt. Sahāmpati), Chúa của thế giới Saha (Skt. Sahā-loka: Thế giới Ta-bà hay Sa-bà); cũng thường gọi là thế giới chủ, ở đây, Hán dịch hiểu Sahā (Skt.) là sahasra (Pāli: Sahasa): Số một ngàn.